

SINH KẾ CỦA THANH NIÊN TRONG BỐI CẢNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TẠI TỈNH KIÊN GIANG

Trần Thanh Dũng và Nguyễn Ngọc Đệ

Khoa Phát triển nông thôn, Trường Đại học Cần Thơ

Thông tin chung:

Ngày nhận: 20/12/2015

Ngày chấp nhận: 25/07/2016

Title:

Youth's livelihood in the context of constructing new rural models in Kien Giang province

Từ khóa:

Nông thôn mới, Thanh niên, vốn sinh kế

Keywords:

New rural, youth, livelihood assets

ABSTRACT

Research on livelihoods of youth in the context of building new rural areas was provide information to support policy managers in order to help youth improve sustainable livelihoods in the new situation. The study was conducted by interviewing non - randomly 300 rural youths in three communes of Kien Giang province, and use tools statistical analysis such as descriptive statistics, crosstab, analysis of variance (ANOVA) and multivariate linear regression.

The study results showed livelihoods of youth was low, which was not commensurate with the trend of social development, especially in the context of the new rural construction. The theme also pointed out the factors affecting young people's income was the participation and collective economic model, with vocational training, the rice field area, ages and family finances, with agricultural production, youths as young housewife and still in school. The study results also proposed recommendations on vocational training, replication collective economic model to improve livelihoods for youth.

TÓM TẮT

Nghiên cứu nguồn vốn sinh kế của thanh niên trong bối cảnh xây dựng nông thôn mới nhằm cung cấp thông tin hỗ trợ nhà quản lý ra chính sách giúp thanh niên nâng cao sinh kế bền vững trong tình hình mới. Đề tài phỏng vấn phi ngẫu nhiên 300 thanh niên tại 3 xã ở tỉnh Kiên Giang và sử dụng các công cụ phân tích thống kê như: thống kê mô tả, crosstab, phân tích phương sai (ANOVA) và hồi quy tuyến tính đa biến.

Kết quả nghiên cứu cho thấy: nguồn vốn sinh kế của thanh niên còn thấp, chưa tương xứng với xu thế phát triển của xã hội nhất là trong bối cảnh xây dựng nông thôn mới. Đề tài còn chỉ ra các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của thanh niên là sự tham gia và mô hình kinh tế tập thể, có học nghề, diện tích đất ruộng, tuổi và tài chính gia đình, có sản xuất nông nghiệp, thanh niên là nội trợ và thanh niên còn đang đi học. Kết quả nghiên cứu cũng đề xuất một số kiến nghị về học nghề, nhân rộng mô hình kinh tế tập thể nhằm nâng cao khả năng sinh kế cho thanh niên.

Trích dẫn: Trần Thanh Dũng và Nguyễn Ngọc Đệ, 2016. Sinh kế của thanh niên trong bối cảnh xây dựng nông thôn mới tại tỉnh Kiên Giang. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 44c: 106-113.

1 GIỚI THIỆU

Xây dựng nông thôn mới là một định hướng quan trọng mà Đảng và Nhà nước ta đã và đang theo đuổi nhằm thay đổi toàn diện bộ mặt của nông thôn và cũng là một xu thế tất yếu. Xây dựng nông thôn mới được nêu ra trong Nghị quyết 26 và cụ thể hóa thực hiện theo Quyết định 491/QĐ-TTg về ban hành bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới và Quyết định 800/QĐ-TTg về ban hành Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020. Quyết định 491 đưa ra 05 nhóm tiêu chí chính trong xây dựng nông thôn mới: quy hoạch, hạ tầng kinh tế - xã hội, kinh tế và cơ cấu kinh tế, văn hóa, xã hội và môi trường và hệ thống tổ chức chính trị. Trong bối cảnh thay đổi này, nguồn lực của người dân là rất quan trọng để đáp ứng các mục tiêu xây dựng nông thôn mới.

Kiên Giang là một tỉnh có cơ cấu dân số trẻ, lực lượng thanh niên chiếm đến 28,8% dân số và 57% lực lượng lao động toàn tỉnh, trong đó thanh niên nông thôn chiếm đến 76,4% lực lượng thanh niên. Để phát huy hơn nữa vai trò của thanh niên trong xây dựng nông thôn mới, vào ngày 16 tháng 02 năm 2012, tỉnh đoàn Kiên Giang và Sở NN&PTNT đã thống nhất ban hành chương trình phối hợp về phát huy vai trò xung kích, tình nguyện của thanh niên tham gia phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2015 dựa trên kế hoạch 12/KH-UBND của Ủy ban nhân tỉnh Kiên Giang ban hành vào ngày 10/03/2011 về lập quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2015 và kế hoạch số 308-KH/TWĐTN về vai trò của thanh niên trong xây dựng nông thôn mới. Để thực hiện được vấn đề này, cần đánh giá lại nguồn lực của thanh niên trong bối cảnh mới nhằm cung cấp thông tin cho nhà quản lý và ra chính sách phù hợp nhằm nâng cao khả năng sinh kế bền vững cho thanh niên góp phần xây dựng thành công nông thôn mới. Đó là lý do phân tích “khả năng sinh kế của thanh niên trong bối cảnh xây dựng nông thôn mới tại tỉnh Kiên Giang” được thực hiện.

2 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1 Đối tượng và địa bàn nghiên cứu

Mẫu quan sát của đề tài được thu thập phi ngẫu nhiên thuận tiện với 300 thanh niên trong độ tuổi từ 18 đến 30 tại 3 xã có mức hoàn thành tiêu chí xây dựng nông thôn mới khác nhau: xã Thạnh Đông, huyện Tân Hiệp hoàn thành 14 tiêu chí đại diện cho xã mạnh về xây dựng nông thôn mới; xã Vĩnh Hòa, huyện U Minh Thượng hoàn thành 9 tiêu chí,

đại diện có số tiêu chí hoàn thành ở mức trung bình và xã Mỹ Lâm, huyện Hòn Đất đạt 8 tiêu chí đại diện cho xã có ít tiêu chí được hoàn thành.

2.2 Phương pháp thu thập số liệu

Số liệu thứ cấp được thu thập từ báo cáo tổng kết của chương trình xây dựng nông thôn mới và báo cáo tổng kết hoạt động Đoàn và phong trào thanh niên cấp tỉnh, huyện và xã vùng nghiên cứu năm 2013.

Số liệu sơ cấp được thu thập thông qua điều tra 300 thanh niên bằng phương pháp phi ngẫu nhiên thuận tiện, ứng với mỗi xã nêu trên là 100 thanh niên, bằng phiếu điều tra được sử dụng để thu thập thông tin liên quan đến nguồn lực của thanh niên. Đề tài còn phỏng vấn 30 chuyên gia các cấp am hiểu về nông thôn mới để đề xuất các giải pháp nâng cao sinh kế cho thanh niên trong bối cảnh xây dựng nông thôn mới.

2.3 Phương pháp phân tích

Đề tài sử dụng phương pháp thống kê mô tả, ANOVA với kiểm định Duncan, hồi quy tuyến tính đa biến trên cơ sở năm nguồn vốn sinh kế của thanh niên.

3 KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1 Hiện trạng vốn sinh kế của thanh niên tỉnh Kiên Giang

3.1.1 Vốn nhân lực

Đề tài tập trung trên những thanh niên trong độ tuổi từ 18 đến 30 vì trong nhóm tuổi này, lực lượng thanh niên là lao động chủ lực, độ tuổi thanh niên dưới 18 tuổi ở nông thôn đa số còn đi học vì thế thanh niên từ 18 tuổi trở lên ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế - xã hội và cũng là độ tuổi đủ trưởng thành để cung cấp và đánh giá thông tin một cách chính xác hơn là độ tuổi từ 15 - 30. Trong đó, chia hai nhóm từ 18 đến 22 tuổi là nhóm tuổi đa số còn đi học phụ thuộc vào gia đình, nhóm này chiếm 38,3%; nhóm thứ hai từ 23 đến 30 tuổi chiếm 61,7% là nhóm mà phần đông thanh niên nông thôn có thể làm kinh tế tạo thu nhập cho gia đình. Trong đó, có 55,7% thanh niên là nam và 44,3% là thanh niên nữ giới.

Trình độ học vấn của thanh niên điều tra được chia theo các nhóm: không đi học chiếm 4,3%; nhóm cấp 1 chiếm 12,3%; nhóm cấp 2 chiếm 49%; nhóm cấp 3 chiếm 25,3% và nhóm cao đẳng đại học chiếm 5,3%. Qua đó, ta thấy được trình độ học vấn của thanh niên nông thôn đa số tập trung nhiều nhất ở cấp 2, rất ít ở các nhóm không đi học, trung cấp và đại học; điều này cho thấy thanh niên ở

nông thôn đã ý thức được việc học nhưng có thể do điều kiện chưa tốt nên ít học lên cao. Trong đó, thanh niên xã Thạnh Đông có trình độ học vấn nhìn chung cao hơn Mỹ Lâm và Vĩnh Hòa. Có thể điều này làm cho Thạnh Đông hoàn thành tiêu chí xây dựng nông thôn mới nhiều hơn xã khác trong vùng nghiên cứu.

Do ở nông thôn nên thanh niên tập trung làm nghề nông nghiệp chiếm 32,7% và rất năng động trong việc làm, có thể buôn bán, dịch vụ, thợ... nên tỷ lệ nghề phi nông nghiệp chiếm 25,7%; các nghề làm thuê nông nghiệp chiếm 10%, còn nhỏ hoặc đi

học và nội trợ đều chiếm 8,7%; hành chính chiếm 8%. Trong đó, chỉ có 42% số thanh niên được đào tạo nghề. Trong xu thế ngày càng phát triển và hội nhập vào nền kinh tế chung đã đặt ra không ít những khó khăn về vấn đề việc làm và dịch chuyển cơ cấu lao động, đặc biệt là người dân sống ở khu vực nông thôn do trình độ, tay nghề và khả năng thích ứng còn nhiều hạn chế, do đó vấn đề đào tạo nghề rất được chú ý. Tuy nhiên, kết quả đạt được chưa thực sự xứng đáng với sự quan tâm của các cấp trong khi có rất nhiều lớp đào tạo nghề được mở một cách thường xuyên ở nông thôn.

Bảng 1: Hiện trạng vốn con người của thanh niên tỉnh Kiên Giang

| Tuổi | Vĩnh Hòa | | Mỹ Lâm | | Thạnh Đông | | Tổng | |
|-------------------------|----------|------|--------|------|------------|------|--------|------|
| | Tần số | % | Tần số | % | Tần số | % | Tần số | % |
| 18 – 22 | 42 | 42,0 | 36 | 36,0 | 37 | 37,0 | 115 | 38,3 |
| 23 – 30 | 58 | 58,0 | 64 | 64,0 | 63 | 63,0 | 185 | 61,7 |
| Giới tính | | | | | | | | |
| Nam | 44 | 44,0 | 59 | 59,0 | 64 | 64,0 | 167 | 55,7 |
| Nữ | 56 | 56,0 | 41 | 41,0 | 36 | 36,0 | 133 | 44,3 |
| Trình độ học vấn | | | | | | | | |
| Không đi học | 5 | 5,0 | 6 | 6,0 | 2 | 2,0 | 13 | 4,3 |
| Cấp 1 | 15 | 15,0 | 13 | 13,0 | 9 | 9,0 | 37 | 12,3 |
| Cấp 2 | 50 | 50,0 | 53 | 53,0 | 44 | 44,0 | 147 | 49,0 |
| Cấp 3 | 27 | 27,0 | 21 | 21,0 | 28 | 28,0 | 76 | 25,3 |
| Trung cấp | 0 | 0,0 | 1 | 1,0 | 10 | 10,0 | 11 | 3,7 |
| Cao đẳng, Đại học | 3 | 3,0 | 6 | 6,0 | 7 | 7,0 | 16 | 5,3 |
| Nghề nghiệp | | | | | | | | |
| Nông nghiệp | 33 | 33,0 | 36 | 36,0 | 30 | 30,0 | 98 | 32,7 |
| Phi nông nghiệp | 23 | 23 | 30 | 30 | 23 | 23 | 77 | 25,7 |
| Công nhân | 8 | 8 | 8 | 8 | 3 | 3 | 19 | 6,3 |
| Hành chính | 7 | 7 | 4 | 4 | 13 | 13 | 24 | 8,0 |
| Đang đi học | 7 | 7,0 | 10 | 10,0 | 9 | 9,0 | 26 | 8,7 |
| Nội trợ | 9 | 9,0 | 7 | 7,0 | 10 | 10,0 | 26 | 8,7 |
| Làm thuê Nông nghiệp | 13 | 13,0 | 5 | 5,0 | 12 | 12,0 | 30 | 10,0 |
| Học nghề | | | | | | | | |
| Không | 53 | 53,0 | 60 | 60,0 | 61 | 61,0 | 174 | 58,0 |
| Có | 47 | 47,0 | 40 | 40,0 | 39 | 39,0 | 126 | 42,0 |

3.1.2 *Vốn tài chính*

Trong vùng nghiên cứu là khu vực nông thôn nên nhìn chung nguồn thu nhập của nông hộ chủ yếu dựa vào các hoạt động sản xuất nông nghiệp. Trong đó, xã Vĩnh Hòa có thu nhập từ lúa là thấp nhất, trung bình mỗi năm mỗi hộ thu nhập được là 65,02 triệu đồng, cao nhất là xã Mỹ Lâm với 91,68 triệu đồng và xã Thạnh Đông là 75,83 triệu đồng. Tuy nhiên, sự khác biệt này không khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p > 0,05$). Ở nông thôn, hầu hết người dân ngoài làm ruộng thì họ còn chăn nuôi, nuôi cá ở hầu hết các nơi nên giữa ba xã thu nhập từ việc làm này không khác biệt nhiều ($p > 0,05$).

Trong những thanh niên được phỏng vấn ở xã Mỹ Lâm thì không có hộ nào có nuôi cá. Bảng phân tích phương sai (ANOVA) với phép thử Duncan ở mức ý nghĩa $p = 5\%$, thu nhập từ kinh doanh ở các xã khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$), do có vị trí gần thành phố Rạch Giá nên xã Mỹ Lâm có điều kiện kinh doanh tốt và thu nhập cao nhất với 54,86 triệu đồng/hộ/năm, kế đến là xã Vĩnh Hòa với 31,75 triệu đồng/hộ/năm và thấp nhất là xã Thạnh Đông với 18 triệu đồng/hộ/năm. Thu nhập từ các nguồn khác ở ba xã cũng không khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p > 0,05$).

Bảng 2: Hiện trạng vốn tài chính của thanh niên Kiên Giang.

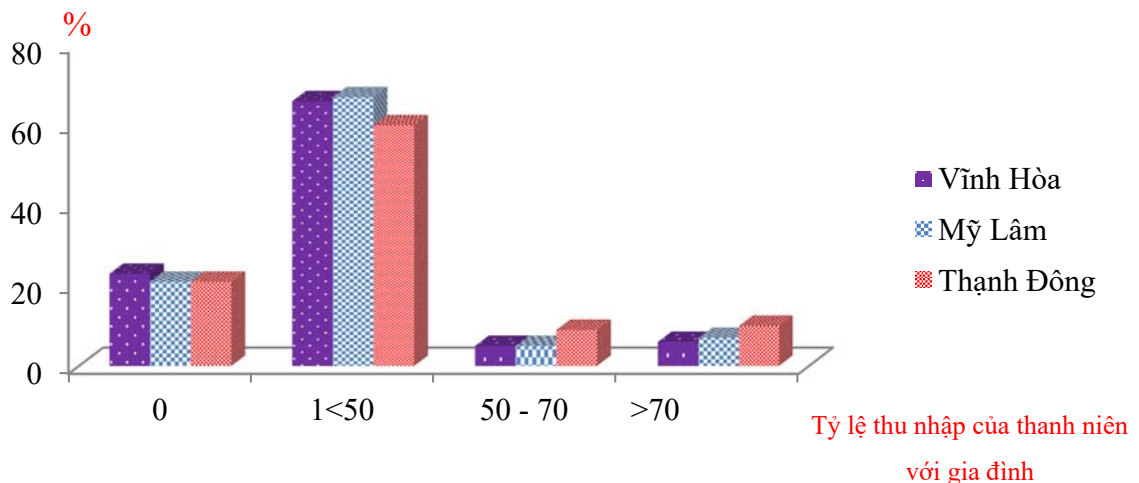
| Thu nhập (triệu đồng/năm) | Vĩnh Hòa | Mỹ Lâm | Thạnh Đông | P |
|---------------------------|---------------------|--------------------|---------------------|------|
| Lúa | 65,02 | 91,68 | 75,83 | 0,66 |
| Cá | 25,50 | 0,00 | 85,75 | 0,51 |
| Chăn nuôi | 18,15 | 15,79 | 30,53 | 0,42 |
| Kinh doanh | 31,75 ^{ab} | 54,86 ^a | 18,00 ^b | 0,01 |
| Khác | 35,11 | 92,23 | 62,92 | 0,07 |
| Tổng thu nhập | 86.37 | 131.91 | 120.83 | 0,09 |
| Thu nhập do thanh niên | 17,89 ^b | 30,68 ^a | 23,73 ^{ab} | 0,01 |

Ghi chú: Trong cùng một hàng, các số có cùng chữ thì không khác nhau ở mức ý nghĩa 5%, qua kiểm định Duncan.

Do nhiều nguồn thu nhập khác nhau không ý nghĩa nên tổng thu nhập của nông hộ giữa các xã cũng không khác nhau nhiều ($p > 0,05$). Tuy nhiên, thu nhập do thanh niên mang lại có sự khác biệt rõ ($p < 0,05$), cao nhất là xã Mỹ Lâm với trung bình mỗi thanh niên thu nhập được 30,68 triệu đồng/hộ/năm, kế đến là xã Thạnh Đông, thu nhập trung bình là 23,73 triệu đồng/hộ/năm và thấp nhất là Vĩnh Hòa với 17,89 triệu đồng/hộ/năm cho mỗi thanh niên thu nhập được. Điều này là do đa số những thanh niên được phỏng vấn ở xã Vĩnh Hòa còn trong giai đoạn học tập nên trung bình thu nhập từ thanh niên xã này thấp, tương tự Mỹ Lâm là xã có thanh niên được phỏng vấn nằm ngoài tuổi đến trường nên trung bình thu nhập từ thanh niên nơi này là cao nhất.

Tỷ lệ thu nhập của thanh niên với thu nhập của gia đình thể hiện khả năng độc lập kinh tế của thanh niên, tỷ lệ càng cao thì tính độc lập càng cao, tỷ lệ này bằng không nghĩa là thanh niên phụ thuộc

hoàn toàn vào kinh tế của gia đình, hay nói cách khác thanh niên chưa tạo ra kinh tế. Trong số những thanh niên được phỏng vấn thì có 7,7% thanh niên có tỷ lệ thu nhập ở mức cao trên 70%; có 6,3% thanh niên có tỷ lệ thu nhập từ 50% - 70%; tỷ lệ thu nhập từ 1 - 50 triệu chiếm tỷ lệ rất cao đến 64,3%; và có đến 21,7% thanh niên còn sống phụ thuộc hoàn toàn vào gia đình. Qua Hình 1 ta thấy thanh niên xã Thạnh Đông có tỷ lệ thu nhập từ 50% trở lên cao hơn vì thế thanh niên xã này có xu hướng độc lập kinh tế cao hơn xã Mỹ Lâm và xã Vĩnh Hòa, có thể do xã Thạnh Đông thực hiện được nhiều tiêu chí xây dựng nông thôn mới nên đã tổ chức sản xuất cho thanh niên xã làm kinh tế phát triển; bên cạnh đó thanh niên xã Thạnh Đông ít làm nông nghiệp (làm nông nghiệp thì đa phần làm chung với gia đình) nên dễ kiếm thêm thu nhập riêng bằng những nghề khác nhiều tiền hơn dẫn đến tỷ lệ thu nhập của thanh niên xã Thạnh Đông có xu hướng cao hơn.



Hình 1: Biểu đồ tỷ lệ thu nhập của thanh niên với thu nhập gia đình

Nhìn chung, hộ dân đa số thu nhập từ trồng lúa là chính, thu nhập từ kinh doanh và dịch vụ chưa cao nên cần chuyển đổi cơ cấu kinh tế trên địa bàn

nông thôn. Đa số thanh niên còn sống rất phụ thuộc vào gia đình, do độ tuổi trong thanh niên cũng không ít còn đi học, thêm vào đó là thanh niên nữ

giới ở nông thôn thường làm nội trợ không tạo ra kinh tế cho gia đình, phần lớn nữa là do tuổi của thanh niên không cao nên kinh nghiệm làm việc chưa nhiều do vậy thu nhập chưa thực sự tốt lắm dẫn đến tỷ lệ thu nhập còn thấp.

3.1.3 Vốn tự nhiên

Ở nông thôn hoạt động sản xuất nông nghiệp là chủ yếu nên diện tích đất canh tác ở đây rất có ý nghĩa để xây dựng kinh tế hộ. Đất canh tác là tổng các loại đất có thể sản xuất tạo ra nông sản được như đất ruộng, đất thuê, đất vườn, đất ao.

Bảng 3: Diện tích đất canh tác của nông hộ

| Diện tích canh tác (ha) | Vĩnh Hòa | | Mỹ Lâm | | Thạnh Đông | | Tổng | |
|-------------------------|----------|-------|--------|-------|------------|-------|-----------|-------|
| | Tần số | % | Tần số | % | Tần số | % | Tần số | % |
| <1 | 66 | 66,0 | 61 | 61,0 | 53 | 53,0 | 180 | 60,0 |
| 1 – 2 | 26 | 26,0 | 29 | 29,0 | 29 | 29,0 | 84 | 28,0 |
| >2 | 8 | 8,0 | 10 | 10,0 | 18 | 18,0 | 36 | 12,0 |
| Tổng | 100 | 100,0 | 100 | 100,0 | 100 | 100,0 | 300 | 100,0 |
| Trung bình | 1,02 | | 1,63 | | 2,00 | | P = 0,12* | |

*: Phân tích Phương sai (ANOVA) thông qua kiểm định F với mức ý nghĩa 5%

Trong đó, ta thấy số hộ có diện tích đất này dưới 1 ha chiếm tỷ lệ rất cao đến 60%; hộ có diện tích từ 1 – 2 ha chiếm 28% còn hộ trên 2 ha thì chỉ chiếm 12%. Trong vùng nghiên cứu, ta thấy các xã có diện tích trung bình nhỏ lẻ, trong đó xã Thạnh Đông là xã có xu hướng tập trung ruộng đất cao hơn, do đó có thể nơi đây dễ áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp.

Qua phân tích trên ta thấy nguồn vốn tự nhiên của thanh niên tỉnh Kiên Giang chưa đáp ứng được nhu cầu hiện tại của quá trình nông thôn mới. Diện tích đất canh tác không đồng đều, các hộ sở hữu diện tích sử dụng đất ít chưa hài lòng với cuộc sống hiện tại nên mong muốn chuyển đổi nghề

ng nghiệp, những hộ có diện tích đất ít, nhỏ lẻ này lại chiếm đa số; những hộ có diện tích đất canh tác tương đối thì mong muốn mở rộng thêm quy mô để thuận tiện trong quá trình sản xuất. Vì thế, cần có những chính sách để giúp thanh niên sản xuất phù hợp, hiệu quả, thực hiện hiệu quả quá trình chuyển dịch cơ cấu nghề nghiệp và lao động trong tiêu chí xây dựng nông thôn mới.

3.1.4 Vốn vật chất

Vốn vật chất thể hiện vật chất đáp ứng nhu cầu sản xuất của nông hộ chủ yếu là máy bơm nước, bình xịt, ghe xuồng, xe gắn máy, máy cày, máy gặt đập liên hợp và các loại máy khác... Vốn vật chất cơ bản đáp ứng được nhu cầu sản xuất của nông hộ.

Bảng 4: Vốn vật chất phục vụ sản xuất của nông hộ

| Vốn vật chất | Vĩnh Hòa | | Mỹ Lâm | | Thạnh Đông | | Tổng | |
|----------------------|----------|------|--------|------|------------|------|--------|------|
| | Tần số | % | Tần số | % | Tần số | % | Tần số | % |
| Máy bơm nước | 30 | 30,0 | 47 | 47,0 | 43 | 43,0 | 120 | 40,0 |
| Bình xịt | 34 | 34,0 | 44 | 44,0 | 59 | 59,0 | 137 | 45,7 |
| Ghe, xuồng | 26 | 26,0 | 43 | 43,0 | 33 | 33,0 | 102 | 34,0 |
| Xe gắn máy | 78 | 78,0 | 84 | 84,0 | 90 | 90,0 | 252 | 84,0 |
| Máy cày | 1 | 1,0 | 8 | 8,0 | 3 | 3,0 | 12 | 4,0 |
| Máy gặt đập liên hợp | 2 | 2,0 | 3 | 3,0 | 2 | 2,0 | 7 | 2,3 |

3.1.5 Vốn xã hội

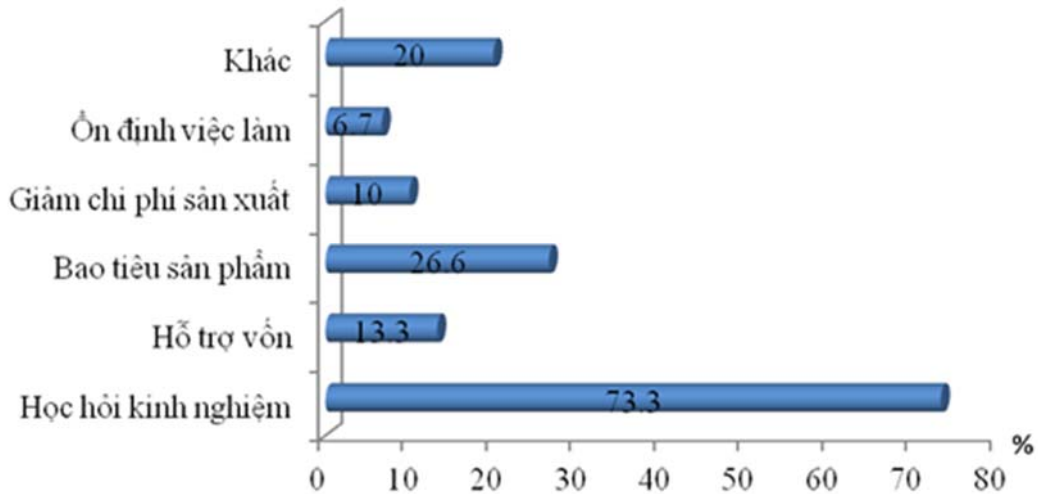
Trong số những thanh niên được phỏng vấn, có 19,3% thanh niên có tham gia vào tổ chức Nhà nước. Trong đó, thanh niên xã Thạnh Đông chiếm tỷ lệ cao nhất, điều này cho thấy, do chiếm tỷ lệ cao trong cơ quan nhà nước nên phần lớn thanh niên xã Thạnh Đông nắm được thông tin, chính sách, cơ hội từ đó phát triển mạnh sinh kế và thực hiện tốt vai trò trong xây dựng nông thôn mới.

Trong những thanh niên được phỏng vấn chỉ có 10% thanh niên có tham gia vào tổ chức kinh tế tập

thể. Trong đó, xã Thạnh Đông là xã có tỷ lệ tham gia cao nhất đã góp phần thực hiện tiêu chí trong xây dựng nông thôn mới. Thấy được hiệu quả của các hợp tác xã, tổ hợp tác hay câu lạc bộ sản xuất kinh doanh; các thanh niên khác (63,7%) cũng có mong muốn tham gia vào các mô hình kinh tế tập thể này. Họ thấy được lợi ích của mô hình này là rất thiết thực: học hỏi kinh nghiệm, giảm giá thành sản xuất, được bao tiêu đầu ra với giá ổn định, được hỗ trợ vốn và việc làm bền vững...

Bảng 5: Vốn xã hội của thanh niên Kiên Giang

| Vốn xã hội | Vĩnh Hòa | | Mỹ Lâm | | Thạnh Đông | | Tổng | |
|-------------------------------|----------|------|--------|------|------------|------|--------|------|
| | Tần số | % | Tần số | % | Tần số | % | Tần số | % |
| Làm việc Nhà nước | 14 | 14,0 | 13 | 13,0 | 31 | 31,0 | 58 | 19,3 |
| Tham gia HTX/CLB | 10 | 10,0 | 9 | 9,0 | 11 | 11,0 | 30 | 10,0 |
| Muốn tham gia vào HTX/CLB | 60 | 60,0 | 64 | 64,0 | 67 | 67,0 | 191 | 63,7 |
| Thông tin giới thiệu việc làm | 55 | 55,0 | 59 | 59,0 | 51 | 51,0 | 165 | 55,0 |



Hình 2: Biểu đồ lợi ích tham gia mô hình kinh tế tập thể

Bước sang giai đoạn công nghiệp thì thanh niên rất quan tâm đến vấn đề việc làm ở các công ty. Và mối quan hệ bạn bè để nhận được thông tin việc làm trong các công ty là rất cần thiết. Có 55% thanh niên có thể nhận thông tin giới thiệu từ bạn bè làm việc cho các nhà máy, công ty; con số này chưa cao nhưng cũng góp phần giúp thanh niên có thêm nghề nghiệp, tăng thu nhập cho gia đình và giải quyết tình trạng thất nghiệp cho xã hội.

Nhìn chung, thanh niên tỉnh Kiên Giang có nguồn vốn xã hội chưa cao, chưa nắm bắt những đổi mới của xã hội. Đa số thanh niên chưa thấy rõ hiệu quả của kinh tế tập thể nên chưa thực sự quan tâm đúng mức, chưa tiếp cận những đổi mới trong công nghiệp và dịch vụ trong quá trình xây dựng nông thôn mới.

3.2 Các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của thanh niên

Mô hình hồi quy tuyến tính được sử dụng để nhận ra các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của thanh niên trong bối cảnh xây dựng nông thôn mới. Mô hình hồi quy tuyến tính đa biến ước lượng được xây dựng theo công thức:

$$\hat{Y} = a + b_1X_1 + b_2X_2 + b_3X_3 + b_4X_4 + b_5X_5 + b_6X_6 + b_7X_7 + b_8X_8$$

Trong đó:

Y: biến phụ thuộc (thu nhập của thanh niên, triệu đồng/năm)

Các biến Xi là biến độc lập được diễn giải trong Bảng 6.

Kết quả mô hình được trình bày trong Bảng 7. Hệ số xác định R² = 0,601 cho thấy có 60,1% sự thay đổi về thu nhập của thanh niên là do ảnh hưởng của các yếu tố về tài chính gia đình, còn đang đi học, nội trợ, tham gia CLB/THT, làm ruộng, tuổi, học nghề và diện tích đất ruộng; còn lại 39,9% chịu ảnh hưởng của các yếu tố khác không đưa vào mô hình nghiên cứu.

Hệ số tương quan bội R = 0,775 cho thấy có 77,5% mối tương quan giữa biến phụ thuộc và độc lập, nói cách khác thu nhập của thanh niên có quan hệ chặt chẽ với tài chính gia đình, việc đang đi học, nội trợ, tham gia CLB/THT, làm ruộng, tuổi, học nghề và diện tích đất làm ruộng. Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy hệ số phóng đại phương sai (VIF) của các biến đều nhỏ hơn 2 vì vậy các biến thỏa mãn không bị đa cộng tuyến.

Bảng 6: Diễn giải các biến độc lập trong mô hình hồi quy tuyến tính đa biến

| Biến số | Diễn giải |
|-------------------------------|--|
| Tài chính gia đình (X_1) | Tổng thu nhập của gia đình trong một năm (triệu đồng/năm) |
| Đang đi học (X_2) | Biến giả, nhận giá trị 1 nếu thanh niên còn đang đi học và nhận giá trị 0 nếu hiện tại thanh niên đã nghỉ học. |
| Nội trợ (X_3) | Biến giả, nhận giá trị 1 nếu thanh niên là nội trợ và giá trị 0 nếu không là nội trợ. |
| Tham gia CLB/THT (X_4) | Biến giả, nhận giá trị 1 nếu thanh niên có tham gia CLB hay THT sản xuất và giá trị 0 nếu không tham gia. |
| Làm ruộng (X_5) | Biến giả, nhận giá trị 1 nếu thanh niên có làm ruộng và giá trị 0 nếu không làm ruộng. |
| Tuổi (X_6) | Tuổi của thanh niên tính tới thời điểm phỏng vấn (số năm). |
| Học nghề (X_7) | Biến giả, nhận giá trị 1 nếu thanh niên có tham gia học nghề và giá trị 0 nếu không tham gia. |
| Diện tích đất ruộng (X_8) | Diện tích đất được sử dụng làm ruộng của hộ gia đình (ha). |

Phân tích phương sai (ANOVA) có giá trị kiểm định Sig. = 0,000 rất nhỏ so với mức ý nghĩa $\alpha = 0,05$. Vì vậy, ta có thể kết luận rằng thu nhập của thanh niên phụ thuộc vào các biến đưa vào mô hình. Kết quả mô hình hồi quy tuyến tính được giải thích như sau: các biến tham gia CLB/THT, học nghề, diện tích đất ruộng, tuổi, tài chính gia đình có tác động tích cực đến biến thu nhập của thanh niên; các biến có làm nghề nông nghiệp, nội trợ, đang đi học có tác động làm hạn chế đến biến thu nhập của thanh niên. Nói cách khác, khi thanh niên có tham gia CLB/THT, có học nghề, sở hữu nhiều đất ruộng, số tuổi cao và tài chính gia đình nhiều làm tăng thêm thu nhập cho thanh niên; ngược lại, khi thanh niên có sản xuất nông nghiệp, có làm nội trợ,

hoặc thanh niên đang đi học làm hạn chế khả năng thu nhập của họ. Trong đó, hai yếu tố nổi bật là thanh niên làm ruộng và diện tích đất ruộng cần được quan tâm. Như đã phân tích trong Bảng 3, đa số nông hộ có diện tích đất ruộng rất ít (có 60% hộ dưới 1 ha) vì thế khi họ tập trung vào nông nghiệp với diện tích quá ít làm cho thu nhập của họ ít hơn so với làm những ngành nghề khác. Còn đối với những hộ có diện tích đất ruộng nhiều thì dĩ nhiên họ có thu nhập nhiều hơn những người có ruộng đất ít. Vì vậy, cần có những chính sách, những giải pháp tác động phù hợp vào các yếu tố trên nhằm nâng cao thu nhập cho thanh niên nông thôn góp phần xây dựng thành công nông thôn mới.

Bảng 7: Kết quả phân tích hồi quy các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của thanh niên

| Các yếu tố | Hệ số hồi quy | Mức ý nghĩa | VIF |
|---------------------------------|---------------|-------------|------|
| Hằng số | -12,81 | 0,12 | |
| Tham gia CLB/THT (có/không) | 12,68 | 0,00 | 1,14 |
| Học nghề (có/không) | 5,33 | 0,02 | 1,07 |
| Diện tích đất ruộng (ha) | 2,00 | 0,03 | 1,72 |
| Tuổi (số tuổi) | 0,96 | 0,00 | 1,17 |
| Tài chính gia đình (triệu đồng) | 0,15 | 0,00 | 1,54 |
| Nông nghiệp (có/không) | -8,44 | 0,00 | 1,28 |
| Nội trợ (có/không) | -25,29 | 0,00 | 1,09 |
| Đang đi học (có/không) | -28,31 | 0,00 | 1,20 |
| R | | 0,775 | |
| R ² | | 0,601 | |
| Sig. | | 0,000 | |

4 KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT

4.1 Kết luận

Năm nguồn vốn sinh kế của thanh niên còn thấp, chưa tương xứng với khả năng và xu thế phát triển của xã hội nhất là trong bối cảnh xây dựng nông thôn mới. Trong đó, thanh niên xã Thạnh

Đông có kết quả xây dựng nông thôn mới tốt, có điều kiện sinh kế tốt hơn xã Mỹ Lâm và xã Vĩnh Hòa.

Các yếu tố ảnh hưởng tích cực đến thu nhập của thanh niên là sự tham gia và mô hình kinh tế tập thể, so học nghề, diện tích đất ruộng, tuổi và tài chính gia đình. Các yếu tố ảnh hưởng hạn chế đến

thu nhập của thanh niên bao gồm thanh niên có sản xuất nông nghiệp, thanh niên là nội trợ và thanh niên còn đang đi học.

4.2 Đề xuất

Chính quyền địa phương cần tìm hiểu nhu cầu học nghề, thị trường lao động để mở các lớp đào tạo nghề thiết thực hiệu quả. Thanh niên cũng xét điều kiện thực tế gia đình và nhu cầu lao động công ty để tích cực tham gia học nghề góp phần tăng thu nhập, giải quyết việc làm.

Chính quyền địa phương cần nhân rộng các mô hình kinh tế tập thể góp phần cho thanh niên sản xuất kinh doanh hiệu quả bền vững.

Cần nghiên cứu thêm vai trò của các tổ chức, cơ quan khác, nhất là nữ giới trong xây dựng nông thôn mới, góp phần thực hiện mục tiêu “cả nước chung tay xây dựng nông thôn mới”.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Ban Bí thư Trung ương Đoàn, 2011. Kế hoạch số 308-KH/TWĐTN ngày 22/07/2011 về

việc triển khai cuộc vận động “Tuổi trẻ chung tay xây dựng Nông thôn mới”.

Thủ tướng Chính phủ, 2009. Quyết định số 491/QĐ-TTg, ngày 16/04/2009 về việc “Ban hành bộ tiêu chí quốc gia về Nông thôn mới”. Địa chỉ:

<http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Van-hoa-Xa-hoi/Quyết-dinh-491-QĐ-TTg-Bo-tieu-chi-quoc-gia-nong-thon-moi-87345.aspx>

Thủ tướng Chính phủ, 2010. Quyết định số 800/QĐ-TTg, ngày 04/06/2010 về việc “Phê duyệt Chương trình MTQG về xây dựng NTM giai đoạn 2010 – 2020”. Địa chỉ:

http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&mode=detail&document_id=95073. Truy cập ngày 23/09/2014.

Ủy Ban nhân dân tỉnh Kiên Giang, 2011. Kế hoạch số 12/KH-UBND, ngày 10/03/2011 về việc “Lập quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2015”.